TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A LƯỚI** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 56 /2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24/9/2021
V/v "Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A LƯỚI, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Anh Tuấn và Bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở làm việc Tòa án nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 31/2021/TLST- HNGĐ ngày 11/5/2021 về việc "Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021 /QĐXX-ST ngày 06/9/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phan T, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Thôn 1, xã Quảng C, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Thôn Quảng V, xã Sơn T, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/4/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Phan T trình bày: Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 89/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Điền, Thừa Thiên Huế, anh Phan T và chị Trần Thị N thỏa thuận giao con chung Phan Trần Tuấn K, sinh ngày 10/5/2016 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K đủ

18 tuổi; anh Phan T không phải cấp dưỡng. Nhưng hiện nay chị Trần Thị N bị bệnh tâm thần, đã có thời gian nằm điều trị tại bệnh viện Tâm thần ở thành Phố Huế. Bản thân chị N không có thu nhập nên không có khả năng nuôi con, mà để cháu K cho bà ngoại nuôi. Cháu K đã 5 tuổi mà không được đi học đều đặn. Anh T cho rằng trong thời gian chị N nuôi con, anh T lên thăm thì chị N và gia đình gây nhiều khó khăn, không cho anh gặp cháu K tại nhà mà phải gặp ở lớp học. Anh T xin được trực tiếp nuôi con để tạo cho cháu K có điều kiện học hành. Kèm theo đơn thì anh T giao nộp Quyết định số: 89/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02/10/2019 công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự; bản Phô tô sổ hộ khẩu; 04 tấm ảnh chụp hình chị Trần Thị N mà anh T cho rằng đã chụp ở bệnh viện tâm thần đường Phạm Thị Liên, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn trình bày: Ngày 27/5/2021 chị N tự trình bày, khi ly hôn chị được nuôi con, chăm sóc cháu K bình thường, đáp ứng yêu cầu của đứa trẽ, tình yêu thương của người mẹ và gia đình dành cho cháu K là rất lớn. Chị N luôn tạo điều kiện cho anh T thăm con; tết cổ truyền chị N cũng cho cháu về ở chơi với anh T nhiều ngày. Anh T nói thương con, nhưng từ khi ly hôn anh T mới chỉ lên thăm con vài lần và cho ít quà là người cha thiếu trách nhiệm. Biên bản lấy lời khai của chị N ngày 02/6/2021, chị N khai hiện nay chị ở với mẹ đẻ của chị, sức khỏe chị bình thường, hàng ngày công việc của chị là chăn nuôi gia súc, gia cầm trong gia đình và phụ bán trà sữa với người chị gái, nên có thu nhập khoảng 3.000.000đ đến 5.000.000đ mỗi tháng bảo đảm để nuôi con. Bốn tấm ảnh anh T cung cấp cho Tòa án là thật nhưng thời điểm đó chị bị trầm cảm sau khi sinh, nay sức khỏe bình thường. Chị N không chấp nhận thay đổi người nuôi con.

Cháu Phan Trần Tuấn K cũng mong được ở với mẹ.

Bà Văn Thị L mẹ của chị N công nhận chị N có biểu hiện trầm cảm, nhưng hiện nay uống thuốc nên đã bình thường, công việc của chị là nội trợ gia đình, chăn nuôi heo, gà vịt và phụ bán trà sữa, có thu nhập bảo đảm nuôi được con.

Xác minh thông tin địa phương nơi chị N đang cư trú: Bí thư chi bộ, thôn trưởng thôn Vinh L, xác nhận là chị N có bị bệnh trầm cảm, trước đây có lần phá phách trong nhà.

Cô Đặng Thị N là giáo viên chủ nhiệm của cháu Phan Trần Tuấn K năm học 2020 -2021 cung cấp thông tin: Trong năm học đã qua cháu K có sức khỏe, thể lực phát triển bình thường, không có biểu hiện ốm đau, ở lớp học vui vẽ hòa đồng, thân thiện nhất là người anh trai con của người dì ruột cháu K cùng học một lớp. Cháu K học tập chuyên cần, bảo đảm thời gian lên lớp, mức độ tiếp thu của cháu rất tốt. Hàng

ngày cháu được chị N đưa đón đi học. Cháu K phát tiển tốt về các lĩnh vực của trẽ mầm non: Phát triển về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm ký năng xã hội và thẩm mỹ; chị N đóng góp chế độ tiền ăn đầy đủ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải, anh T và chị N không thỏa thuận được vì anh T đề nghị thay đổi người nuôi con từ chị N chuyển qua cho anh; chị N không đồng ý vì cháu K còn nhỏ, mẹ và con không thể xa nhau nên để chị trực tiếp nuôi.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến:

Căn cứ khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thượng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Khi được giao nuôi con, chị N chăm sóc tốt, vẩn đủ điều kiện, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phan Trần Tuấn K, chưa có hành vi làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của cháu K. Chị N nuôi dưỡng cháu K là phù hợp thực tế, cũng như sự phát triển thể chất và tinh thần, tình cảm của cháu mong ước ở với mẹ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết không chấp nhận toàn bộ yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung của anh Phan T mà vẩn để chị N trực tiếp nuôi.

Về án phí: Anh Phan T phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Phan T khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với chị Trần Thị N cư trú ở thôn Vinh L, xã Sơn T, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình nên theo quy định tại khoản 3 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thưa Thiên Huế.

[2] Về Nội dung:

Tại Quyết định số: 89/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, anh Phan T và chị Trần Thị N giao con Phan Trần Tuấn K sinh ngày 10/5/2016 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi; Anh Phan T không phải cấp dưỡng . Chị N đã thể hiện trách nhiệm của người mẹ trong việc nuôi dưỡng, dạy dỗ. Việc đến trường học do chị N đưa đón, cô giáo chủ nhiệm lớp học năm học 2020 – 2021 và Ban giám hiệu nhà trường Mầm non Hoa Đào cho biết cháu K đi học thường xuyên, thể trạng, tâm lý bình thường, chị N quan tâm chăm sóc bảo đảm thời gian lên lớp, không để cháu K nghỉ học, làm ảnh hưởng không tốt đến học tập của cháu K. Chế độ ăn của cháu K ở trường học được chị N nộp đầy đủ. Những ngày tết cổ truyền chị N vẫn để cho cháu K về ở chơi với anh T là đã thể hiện được chị N không ngăn cấm anh T thăm con. Anh T cũng thương yêu con, mong được trực tiếp nuôi dạy và lo sợ chị N có những hành vi không tốt với cháu K, nhưng đã gần 02 năm qua, chị N đã thể hiện trách nhiệm của người mẹ hết lòng vì con, chưa có hành vi nào xúc phạm, bạo lực đến quyền của trẽ em nên không thể nói chị N không làm tròn trách nhiệm được.

Chị N có biểu hiện trầm cảm, nhưng chưa có cơ cơ sở pháp lý để nói rằng chị bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự. Vì hiện nay chị vẫn tham gia lao động có thu nhập bảo đảm cuộc sống và nuôi con tốt mà không có sự cấp dưỡng của anh T. Từ khi giao cháu K cho chị N nuôi, anh T không cấp dưỡng, chỉ đến thăm vài lần thì tình yêu thương của người cha đối với con không thể như chị N đối với cháu K được. Anh Thanh có thu nhập ổn định từ 10.000.000đ đến 12.000.000đ mỗi tháng, thì nên quan tâm hổ trợ vật chất cho cháu K, để cháu có điều kiện sinh hoạt tốt hơn.

Cháu K dưới 7 tuổi nhưng khi tham khảo ý kiến của cháu thì mong được ở với mẹ. Vì vậy nên tạo cho cháu K ổn định tâm lý, sinh hoạt và học tập, quen trường, quen lớp tránh sự tranh giành, gây ấn tượng không tốt đối với con trẽ. Cháu K còn nhỏ cần được sự gần gủi, tình cảm, yêu thương chăm sóc của người mẹ; đảm bảo việc bảo vệ quyền lợi người phụ nữ và quyền của trẽ em nên để chị N tiếp tục nuôi cháu K, như nguyện vọng của chị N và lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát; không thể chấp nhận yêu cầu của anh T.

[3] Về án phí: Anh Phan T phải chịu 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 81, 82, 83 và Điều, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phan T "Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn".

2. Chị Trần Thị N vẫn là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Trần Tuấn K cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh Phan T không trực tiếp nuôi Phan Trần Tuấn K vẫn có quyền và nghĩa vụ đị lại thăm nom, chăm sóc, không có ai có quyền cản trở.

3. Án phí: Anh Phan T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí tranh chấp nuôi con. Anh T đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ ở Chi cục Thi hành án Dân sự huyện A Lưới tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí AA/2016/0002667 ngày 11/5/2021 được trừ vào tiền án phí, không phải nộp thêm.

Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hồ Văn Vĩnh